| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST<br>Ngày: 23-3-2026<br>V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bé Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lương Thị Anh Đào.

Bà Dương Thị Quyên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp (Trụ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn Ê, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

*(Chị K, anh Ê có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị K: Vào năm 2007, chị K và anh Ê có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Trong thời gian chung sống vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2025 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vì anh Ê không lo làm ăn, không lo gì được cho gia đình,

đã nhiều lần chị K khuyên nhủ nhưng anh Ê vẫn không sửa đổi tính tình dẫn đến kinh tế gia đình ngày càng đi xuống, nên chị K đã ly thân với anh Ê từ tháng 9-2025 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn hàn gắn lại được nữa.

Vì vậy, nay chị K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ê. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn Dương K1, sinh ngày 03-02-2009 và Nguyễn Ngọc Kiều D, sinh ngày 01-11-2021, chị K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Ê cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Lời trình bày của bị đơn Nguyễn Văn Ê: Vào năm 2007, anh Ê và chị K có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Trong thời gian chung sống vợ chồng sống chung hạnh phúc, giữa vợ chồng chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, chứ không có mâu thuẫn gì lớn. Nên nay anh Ê có ý kiến như sau: Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Ê không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị K do anh Ê còn thương vợ, thương con muốn vợ chồng hàn gắn lại để cùng nhau lo cho con. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn Dương K1, sinh ngày 03-02-2009 và Nguyễn Ngọc Kiều D, sinh ngày 01-11-2021. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh Ê thống nhất giao con cho chị K nuôi dưỡng và anh Ê không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều .

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ê.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Dương K1, sinh ngày 03-02-2009 và Nguyễn Ngọc Kiều D, sinh ngày 01-11-2021 cho chị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu K1). Anh Ê có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị K cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Ê trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh Ê lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng

xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Ê.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu cấp dưỡng, anh Nguyễn Văn Ê không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn Ê đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị K và anh Ê sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) ngày 08-5-2008 nên hôn nhân của chị K và anh Ê là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa chị K và anh Ê có mâu thuẫn nên chị K khởi kiện ly hôn với anh Ê tại Tòa án. Thời gian sống chung chị K và anh Ê thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhất là lĩnh vực kinh tế, dẫn đến tình cảm không còn, nên chị K đã ly thân với anh Ê từ tháng 9-2025 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị K kiên quyết ly hôn với anh Ê, hơn nữa từ khi Tòa án hòa giải đến nay anh Ê cũng không thể hàn gắn tình cảm giữa hai bên.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị K và anh Ê đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, hiện nay đã ly thân với nhau vậy nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh Ê.

[2.2] Về con chung: Chị K và anh Ê thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Văn Dương K1, sinh ngày 03-02-2009 và Nguyễn Ngọc Kiều D, sinh ngày 01-11-2021. Nay ly hôn chị K yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh Ê cấp dưỡng nuôi con. Anh Ê đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Văn Dương K1, sinh ngày 03-02-2009 và Nguyễn Ngọc Kiều D, sinh ngày 01-11-2021 cho chị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Ê không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu K1 và cháu D hiện đang sống chung với chị K. Vì vậy, sự thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Văn Dương K1, sinh ngày 03-02-2009 và Nguyễn Ngọc Kiều D, sinh ngày 01-11-2021 cho chị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu K1). Anh Ê có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị K cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Ê trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh Ê lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Ê theo quy định tại các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh Ê cấp dưỡng nuôi con và anh Ê không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K và anh Ê đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*", vậy chị Nguyễn Thị Kiều C 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011884 ngày 30-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Văn Ê không phải chịu án phí.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 144, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ê.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Dương K1, sinh ngày 03-02-2009 và Nguyễn Ngọc Kiều D, sinh ngày 01-11-2021 cho chị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu K1). Anh Ê có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị K cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Ê trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp, anh Ê lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Ê.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu cấp dưỡng, anh Nguyễn Văn Ê không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn Ê đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị K có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011884 ngày 30-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn Ê không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 23-3-2026).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 12 – Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Thành B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã Tân Hộ Cơ, tỉnh Đồng Tháp);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Bé Hương**